

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2019

*“V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly
hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Thủ,

2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc: *“Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX - ST ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Châu Thị M, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M có mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Châu Thị M trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị M và anh N kết hôn vào năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống đã xảy ra những bất đồng ý kiến, thời gian qua dù đã cố gắng nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung. Nay chị Myêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 21/10/2007 và Nguyễn Thị Thảo Q sinh ngày 12/6/2012. Hiện Nguyễn Văn Q đang

sống chung với cha và Nguyễn Thị Thảo Q đang sống chung với mẹ. Theo đơn khởi kiện, khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị M thay đổi yêu cầu, chị đồng ý để con chung Nguyễn Văn Q cho anh Nguyễn Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thảo Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

*** Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 05/01/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: anh thừa nhận lời trình bày của chị M về việc hai người kết hôn năm 2006, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị M. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị M yêu cầu ly hôn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Châu Thị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 21/10/2007 và Nguyễn Thị Thảo Q sinh ngày 12/6/2012. Hiện Nguyễn Văn Q đang sống chung với anh N và Nguyễn Thị Thảo Q đang sống chung với chị M. Khi ly hôn anh N yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Q, anh đồng ý để con chung Nguyễn Thị Thảo Q cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm: Giấy CMND và sổ hộ khẩu (photo); Bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thảo Q do Ủy ban nhân dân xã B cấp; Văn bản ý kiến của anh Nguyễn Văn N ghi ngày 05/01/2019; Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải của chị Châu Thị M và anh Nguyễn Văn N ghi ngày 22/01/2019; Đơn xin xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Văn N ghi ngày 15/02/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn N là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Anh Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn N.

Trong quyết định xét xử số 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Trần Văn Bé Hai, bà Phan Thị Mướt và Hội thẩm nhân dân dự khuyết là bà Lương Thị Kim Vân. Tuy nhiên, ông Bé Hai, bà Mướt và bà Vân đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là ông Lê Đình Thủ để tham gia Hội đồng xét xử. Đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

- Về hôn nhân: Xét thấy chị Châu Thị M và anh Nguyễn Văn N tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng chị M và anh N đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này...”. Do chị M và anh N không đăng ký kết hôn nên khi chị M xin ly hôn Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận chị Châu Thị M và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị M anh N có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 21/10/2007 và Nguyễn Thị Thảo Q sinh ngày 12/6/2012. Hiện Nguyễn Văn Q đang sống chung với cha và Nguyễn Thị Thảo Q đang sống chung với mẹ. Khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thảo Q, không yêu cầu anh N cấp dưỡng; anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Q, không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Ngoài ra, khi Tòa án lấy ý kiến của cháu Q thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha nếu cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu Q và Thảo Q nên Tòa án chấp nhận yêu cầu về nuôi con của chị M và anh N. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: chị M, anh N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi nào chị M, anh N có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Chị M và anh N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị M và anh N thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị M và anh N thống nhất không có nợ chung của ai cũng không cho ai mượn nợ.

- Án phí: Chị Châu Thị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Châu Thị M và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Châu Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 12/6/2012 và anh Nguyễn Văn N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 21/10/2007; chị M và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không có yêu cầu.

Chị M, anh N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh N thống nhất không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Chị M và anh N thống nhất không có nợ chung của ai cũng không cho ai mượn nợ.

5. Về án phí: Chị Châu Thị M phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006089 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng

